

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đại học hệ chính quy đối với thí sinh người nước ngoài năm 2025

Ngành Việt Nam học và Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam

- 1. Đối tượng tuyển sinh:** người nước ngoài đã tốt nghiệp trung học phổ thông.
- 2. Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- 3. Điều kiện dự tuyển:** Đã tốt nghiệp trung học phổ thông và đáp ứng yêu cầu về trình độ tiếng Việt theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam: bậc 4/6 (tương đương trình độ B2).

4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

+ Ngành Việt Nam học: 60

+ Ngành Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam: 20

5. Hồ sơ dự tuyển:

(1) Bằng tốt nghiệp THPT kèm theo kết quả học tập (đã được cơ quan có thẩm quyền tại quốc gia cấp bằng xác minh) dịch thuật – công chứng sang tiếng Việt.

(2) Bản sao công chứng Chứng chỉ Tiếng Việt B2 do các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam cho phép tổ chức thi đánh giá năng lực Tiếng Việt cho người nước ngoài, còn thời hạn (02 năm) tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

Trường hợp chưa có chứng chỉ B2 Tiếng Việt hoặc chứng chỉ đã quá thời hạn, thí sinh sẽ phải làm bài kiểm tra đầu vào Tiếng Việt do Trường ĐHSP Hà Nội tổ chức.

(3) Phiếu đăng ký đã điền đầy đủ thông tin (Phụ lục).

(4) Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp tỉnh/thành phố hoặc trung ương của Việt Nam (chứng nhận đủ sức khỏe để học tập), được cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

(5) Bản sao hộ chiếu có thời hạn sử dụng cho toàn bộ thời gian học tập tại Việt Nam hoặc ít nhất 01 năm kể từ ngày dự kiến đến Việt Nam.

(6) Giấy tờ tạm trú hợp pháp.

(7) Bản sao giấy tờ chứng minh tài chính đảm bảo cho học tập và sinh hoạt tại Việt Nam.

(8) 04 ảnh 4x6 cm.

6. Thời gian nộp hồ sơ: từ ngày 02/06 đến ngày 30/06/2025 (trong giờ hành chính).

7. Địa điểm nộp hồ sơ: Viện Giáo dục và đào tạo Quốc tế.

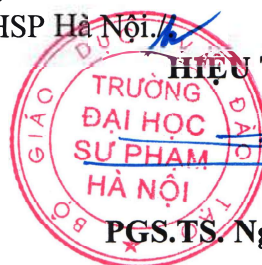
Địa chỉ: Phòng 710 nhà K, Trường ĐHSP Hà Nội, số 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 0437549039/0936501881, email: anhttp@hnue.edu.vn (Cô Trịnh Phương Anh) hoặc hapt@hnue.edu.vn (Cô Phạm Thị Hà).

8. Học phí: Theo quy định của Trường ĐHSP Hà Nội.

Nơi nhận:

- TT. CNTT (đăng tải lên website);
- Viện GDĐT quốc tế;
- Khoa Việt Nam học; khoa Ngữ văn
- Lưu: VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Đức Sơn

Dán ảnh cỡ
4x6

Attach your
photo size 4x6

**PHIẾU ĐĂNG KÝ
DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI HỌC TẬP TẠI VIỆT NAM
APPLICATION FORM**

FOR INTERNATIONAL APPLICANTS TO STUDY IN VIETNAM

Hãy điền đầy đủ thông tin vào chỗ trống hoặc đánh dấu (✓) vào các ô tương ứng. Viết họ tên bằng chữ in hoa. Please fill in the blanks or tick (✓) appropriate boxes. Write your full name in **BLOCK** letters.

1	Họ/Family name	Tên đệm/Middle name	Tên/First name
2	Ngày sinh/Date of birth:	Ngày/Day. tháng/month năm/year.	
3	Giới tính/Gender:	☐ Nam/Male	☐ Nữ/Female
4	Nơi sinh/Place of birth:	Thành phố/City. Nước/Country.	
5	Quốc tịch/Nationality:		
6	Nghề nghiệp/Occupation:		
7	Tôn giáo/Religion:		
8	Hộ chiếu/Passport:	Số/Number	Nơi cấp/Place of issue
		Ngày cấp/Date of issue	Ngày hết hạn/Expiry date
9	Tình trạng hôn nhân/ Marital status:	☐ Độc thân/Single ☐ Đã kết hôn/Married ☐ Ly dị/Divorced	
10	Tiếng mẹ đẻ/Native language:		
11	Địa chỉ liên hệ trong nước/ Home country contact address:		
12	Điện thoại nhà riêng trong nước/Home phone number in your home country:		
13	Người liên hệ khi cần báo tin ở trong nước/Contact person in your home country in case of emergency:		
	Họ tên/Full name		Quan hệ/Relationship
	Địa chỉ nơi ở/Residential address		Nơi làm việc/Place of work
	Điện thoại/Phone number		Email

14	Quá trình học tập/Educational background:			
	Năm học Academic year	Cơ sở đào tạo Institution	Ngành học Field of Study	Văn bằng, chứng chỉ Qualifications
				
				
				
15	Quá trình công tác/Employment record:			
	15.1 Cơ quan công tác/Employer:			
	Thời gian công tác/Time of employment:		Từ/From: tháng/month. năm/year. Đến/To: tháng/month. năm/year.	
	Vị trí công tác/Job Title:			
	Mô tả công việc/Job Description:			
	15.2 Cơ quan công tác/Employer:			
	Thời gian công tác/Time of employment:		Từ/From: tháng/month. năm/year. Đến/To: tháng/month. năm/year.	
	Vị trí công tác/Job Title:			
	Mô tả công việc/Job Description:			
16	Tự đánh giá trình độ tiếng Việt/Self assessed Vietnamese language proficiency:			
	☐ Không biết tiếng Việt/Zero Vietnamese proficiency ☐ Biết tiếng Việt /Some Vietnamese Proficiency Chọn trình độ tương ứng ở cột bên cạnh/Tick appropriate box in the next column:		☐ Sơ cấp/Elementary ☐ Trung cấp/Intermediate ☐ Cao cấp/Advanced	
	Nếu bạn đã học ở Việt Nam bằng tiếng Việt, hãy điền các thông tin dưới đây/If you have studied in Vietnam in Vietnamese, complete all following required information:			
	Tên các trường đã học/Names of institutions attended:			
	Tổng thời gian đã học/Total length of study:		 giờ/hours tháng/months năm/years	
	Giấy chứng nhận trình độ tiếng Việt/Certificate of Vietnamese language proficiency:		☐ Không/No ☐ Có/Yes Trình độ/Level:	
Loại văn bằng tốt nghiệp đã được cấp/Types of qualifications awarded:		☐ THPT/High school ☐ Cao đẳng/College ☐ Đại học/Bachelor ☐ Thạc sĩ/Master ☐ Tiến sĩ/Doctor		
17	Trình độ tiếng Anh/English Language Proficiency:			
	☐ Không biết tiếng Anh/Zero English proficiency ☐ Biết tiếng Anh/Some English Proficiency Chọn trình độ tương ứng ở cột bên cạnh/Tick appropriate box in the next column:		☐ Sơ cấp/Elementary ☐ Trung cấp/Intermediate ☐ Cao cấp/Advanced	
18	Ngoại ngữ khác/Other foreign languages: Trình độ/Level:			

VÀNG
 HỌC
 HAI
 NỘI

..... Trình độ/Level:			
19	Khóa học đăng ký/Proposed Study Program: ☐ Tiểu học/Primary School ☐ Trung học cơ sở/Lower Secondary School ☐ Trung học phổ thông/Upper Secondary School		
	☐ Trung cấp chuyên nghiệp/Secondary Professional and Technical School ☐ Cao đẳng/Associate ☐ Đại học/Bachelor ☐ Thạc sĩ/Master ☐ Tiến sĩ/PhD ☐ Thực tập sinh/Research Fellowship ☐ Khóa học ngắn hạn/Short-term training course		
20	Ngành học, lĩnh vực nghiên cứu đăng ký/Proposed field of study/research:		
21	Thời gian học đăng ký/Proposed period of study: Từ/From: ngày/day tháng/month. năm/year. Đến/To: ngày/day tháng/month. năm/year.		
22	Cơ sở giáo dục đăng ký/Proposed educational institution for study/research:		
23	Ngôn ngữ đăng ký sử dụng cho khóa học/Proposed language medium for study: ☐ Tiếng Việt/Vietnamese ☐ Tiếng Anh/English ☐ Ngôn ngữ khác/Other language:		
24	Thành viên trong gia đình đang ở Việt Nam (nếu có)/Your family members living in Vietnam (if any):		
	Họ tên/Full name	Quan hệ/Relationship	Địa chỉ/Address
	1.....		
	2.....		
25	Chi phí trong thời gian học tập tại Việt Nam/Source of funding for your study in Vietnam: ☐ Học bổng Chính phủ Việt Nam/Vietnamese Government Scholarship ☐ Học bổng khác/Other Scholarship ☐ Tự túc kinh phí/Self-funding		
26	Tôi, người ký tên dưới đây, xin cam đoan tất cả thông tin tôi ghi trong Phiếu đăng ký này là hoàn toàn trung thực và chính xác. Tôi xin cam kết tuân thủ Pháp luật của Việt Nam, Quy chế quản lý lưu học sinh nước ngoài học tập tại Việt Nam và nội quy, quy định của cơ sở đào tạo, cơ sở nội trú trong suốt thời gian lưu học tại Việt Nam. I, the undersigned, hereby acknowledge that all the information on this Application Form is true and correct to the best of my knowledge. I hereby undertake to comply strictly with all the laws and the regulations of the Vietnamese Government, all regulations applicable to international students studying in Vietnam, all regulations of the educational institutions and accommodation providers throughout my stay in Vietnam.		
Ngày/Daytháng/month năm/year			
Ký tên/Applicant's signature:			